

Số: 31/QĐ-TT-MN

Cộng Hiền, ngày 15 tháng 1 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024**  
**của trường mầm non Cộng Hiền**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HIỀN**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ Điều lệ trường mầm non theo Thông tư số 52/TT-BGDĐT, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền theo biên bản đính kèm ngày 15/1/2024;

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/1/2024 đến hết ngày 15/2/2024;

**Điều 3.** Các ông (bà): Tổ trưởng tổ Văn phòng, bộ phận tài chính kế toán, các bộ phận có liên quan trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu :VT;



**HIỆU TRƯỞNG**  
*Nguyễn Thị Nhân*

Cộng Hiền, ngày 15 tháng 1 năm 2024

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024  
Trường mầm non Cộng Hiền**

Hôm nay vào hồi 8h30' ngày 15 tháng 1 năm 2024, tại văn phòng trường mầm non Cộng Hiền, nhà trường tiến hành lập biên bản niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền.

**I. Thành phần:**

|                          |                       |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Đ/c Nguyễn Thị Nhân - | Hiệu trưởng           |
| 2. Đ/c Trần Thị Đà       | Phó hiệu trưởng       |
| 3. Bùi Thị Kim Nhung     | CTCD, TPTCM           |
| 4. Phạm Thị Liễu         | TTCM MG               |
| 5. Nguyễn Thị Trang      | BTĐTN, Khối trưởng 5T |
| 6. Đ/c Đỗ Thị Quế        | TTCMNTN, TBTND        |
| 7. Đ/c Ngô Thị Lan       | KT-Tổ trưởng tổ VP    |
| 8. Đ/c Dương Thị Vân Anh | NVNA - Thủ quỹ        |

1. Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai tài chính nhà trường, trong các cuộc họp.

**2. Các nội dung niêm yết công khai**

- Công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền (*Quyết định số 7016/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Bảo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị;*)

**3. Hình thức niêm yết công khai**

- Dán ở bảng công khai tài chính nhà trường.

**4. Địa điểm, thời gian niêm yết:**

- Tại bảng công khai tài chính nhà trường

- Thời gian niêm yết bắt đầu từ 9h ngày 15/1/2024 kết thúc vào hồi từ 9h 00 ngày 15/2/2024 (30 ngày liên tục).

5. Yêu cầu: Cán bộ, giáo viên, người lao động trong nhà trường và phụ huynh xem bảng niêm yết các nội dung công khai nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Bna thành tra nhân dân hoặc chủ tài khoản trường mầm non Cộng Hiền





Biên bản được thông qua vào hồi 9h00 cùng ngày. Đại diện những người liên quan cùng thống nhất thông qua.

NGƯỜI LẬP

  
Ngô Thị Lan

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

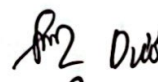


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhân

CÁC THÀNH VIÊN

 Bùi Thị Kim Nhung  
 Nguyễn Thị Trang  
 Trần Thị Đào

 Dương Thị Văn Anh  
 Phạm Thị Liễu  
 Lê Đỗ Thị Quê



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH BẢO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 7016 /QĐ-UBND

Vĩnh Bảo, ngày 18 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024  
cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 3 năm 2024 - 2026;*

*Căn cứ Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 06/7/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 4288/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;*

*Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách năm 2024;*

*Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 cho các xã, thị trấn, các phòng ban, đơn vị như sau:

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 1.250.012 triệu đồng.**

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn: 332.410 triệu đồng, bao gồm:

+ Thu quốc doanh: 2.500 triệu đồng

+ Thuế ngoài quốc doanh: 84.000 triệu đồng



|                                                                                 |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| + Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp:                                             | 2.900 triệu đồng   |
| + Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước:                                          | 9.500 triệu đồng   |
| + Thu tiền sử dụng đất:                                                         | 160.000 triệu đồng |
| + Lệ phí trước bạ:                                                              | 48.000 triệu đồng  |
| + Thuế thu nhập cá nhân:                                                        | 10.500 triệu đồng  |
| + Phí, lệ phí:                                                                  | 7.000 triệu đồng   |
| + Thu khác ngân sách, hoa lợi công sản:                                         | 8.000 triệu đồng   |
| + Thu cấp quyền khai thác khoáng sản:                                           | 10 triệu đồng      |
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách:                                                | 795.326 triệu đồng |
| - Thu bổ sung có mục tiêu:                                                      | 35.628 triệu đồng  |
| - Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố để thực hiện tăng lương cơ sở: | 57.233 triệu đồng  |
| - Nguồn cải cách tiền lương huyện:                                              | 28.575 triệu đồng  |
| - Giao chỉ tiêu thu xổ số kiến thiết:                                           | 840 triệu đồng     |

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

## 2. Dự toán chi ngân sách:

Dự toán chi ngân sách trước trừ tiết kiệm chi: 1.125.596 triệu đồng.

Dự toán chi ngân sách sau trừ 10% tiết kiệm chi: 1.101.065 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 82.672 triệu đồng (Chi đầu tư công từ nguồn tiền đất điều tiết ngân sách huyện: 19.332 triệu đồng; chi hỗ trợ giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng: 63.340 triệu đồng).

- Chi thường xuyên: 1.021.335 triệu đồng (bao gồm 10% tiết kiệm chi thường xuyên: 24.531 triệu đồng), trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề: 433.209 triệu đồng; chi an ninh, trật tự an toàn xã hội: 4.309 triệu đồng; chi quốc phòng: 10.003 triệu đồng; chi sự nghiệp y tế - dân số và gia đình: 60.634 triệu đồng; chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 12.483 triệu đồng; chi sự nghiệp phát thanh truyền hình, thông tấn: 1.748 triệu đồng; chi sự nghiệp thể dục thể thao: 2.691 triệu đồng; chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 14.980 triệu đồng; chi sự nghiệp kinh tế: 43.003 triệu đồng; chi Quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể: 215.573 triệu đồng; chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 217.622 triệu đồng; chi thường xuyên khác: 5.080 triệu đồng.

- Chi dự phòng ngân sách: 21.589 triệu đồng.

(Có Biểu chi tiết kèm theo)

## Điều 2. Tổ chức thực hiện:

### 1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước:

Căn cứ dự toán thu ngân sách năm 2024 được giao, các ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị tổ chức thực hiện các biện pháp phấn đấu tăng thu ngân sách so với dự toán được giao.

Trường hợp thu cân đối ngân sách địa phương giảm so với dự toán: Các đơn vị chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên, giãn hoãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết; đảm bảo các khoản chi cho con người, các khoản chi an sinh xã hội, chi đầu tư xây dựng cơ bản các công trình, dự án quan trọng.

## 2. Đối với dự toán chi ngân sách:

Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2024 được giao, các ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị lập dự toán ngân sách gửi phòng Tài chính-Kế hoạch thẩm định.

Dự toán chi thường xuyên đã bao gồm các khoản chi lương, phụ cấp lương, các khoản chi cho con người theo chế độ hiện hành, các khoản chi nghiệp vụ thường xuyên, mua sắm, sửa chữa và các khoản chi khác đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của đơn vị và thực hiện tiết kiệm chi theo quy định.

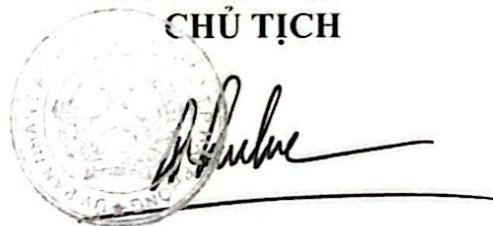
Các cấp, các ngành, các đơn vị chủ động sắp xếp các khoản chi theo thứ tự ưu tiên, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Vĩnh Bảo-Tiên Lãng, Giám đốc Kho bạc nhà nước Vĩnh Bảo, Thủ trưởng các cấp, ngành, các xã, thị trấn, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TTHU; TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Như Điều 3;
- Ban KTXH HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Cảnh**



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 - BẠC MÀM NON**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /12/2023 của UBND huyện Vĩnh Bảo)

DVT: 1.000 đồng

| STT | Đơn vị                | Số học sinh | Biên chế được duyệt theo QĐ số |            |          |                                             |      | Hệ số lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương 01 tháng |                                               |          |                           |                           | Tổng cộng lương, các khoản trích theo lương theo biên chế được duyệt |                           |                                                    |            |                           | Chi chuyển môn nghiệp vụ, MSSC |           |           |               | Tổng thu học phí | 10% Tỷ lệ liên chi đối với thường xuyên | Dự toán giao năm 2024 sau trừ 10% TK chi, học phí | Chi thường xuyên | Chênh lệch (từ 1.000 đồng trở lên) |
|-----|-----------------------|-------------|--------------------------------|------------|----------|---------------------------------------------|------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------|---------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------|------------|---------------------------|--------------------------------|-----------|-----------|---------------|------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|
|     |                       |             | Lao động có mặt đến 01/7/2023  |            |          | Số định biên còn thiếu so với số được duyệt | Tổng | Biên chế có mặt đến ngày 01/7/2023                          | Biên chế còn thiếu so với biên chế được duyệt | Tổng     | Mức lương 1,49 triệu đồng | Mức lương 0,31 triệu đồng | Tiền lương biến chế còn thiếu so với thành phố giáo                  | Mức lương 0,31 triệu đồng | Mức lương biến chế còn thiếu so với thành phố giáo | Tổng       | Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ | Hỗ trợ 02 điểm trường          |           |           |               |                  |                                         |                                                   |                  |                                    |
|     |                       |             | Cộng                           | Biên chế   | Hợp đồng |                                             |      |                                                             |                                               |          |                           |                           |                                                                      |                           |                                                    |            |                           |                                | Hợp đồng  | Hợp đồng  |               |                  |                                         |                                                   |                  |                                    |
| A   | B                     | 1           | 2                              | 3=3a+3b+3c | 3a       | 3b                                          | 3c   | 4=2+3a                                                      | 5a=5b                                         | 5b       | 6=7+8+9+10                | 7                         | 8                                                                    | 9                         | 10                                                 | 11         | 11a                       | 11b                            | 12        | 13=11+10% | 14=6+11-12-13 | 15               |                                         |                                                   |                  |                                    |
|     | Cộng                  | 10.750      | 879                            | 1.015      | 802      | 11                                          | 202  | 76                                                          | 5.246,79                                      | 4.964,92 | 281,88                    | 88.772,695                | 18.469,487                                                           | 5.039,948                 | 1.048,575                                          | 20.873,250 | 6.246,970                 | 50,000                         | 8.361,720 | 2.087,325 | 123.754,910   | 104.236,848      | 19.5                                    |                                                   |                  |                                    |
| 1   | Trường MN Thăng Thủy  | 404         | 34                             | 37         | 30       |                                             | 7    | 4                                                           | 192,53                                        | 177,70   | 14,84                     | 3.177,226                 | 661,034                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 745,270    | 223,580                   |                                | 315,045   | 74,527    | 4.514,407     | 3.798,185        | 71,2                                    |                                                   |                  |                                    |
| 2   | Trường MN Vĩnh Long   | 207         | 19                             | 23         | 19       |                                             | 4    | 0                                                           | 127,69                                        | 127,69   | 0,00                      | 2.258,111                 | 475,008                                                              | -                         | -                                                  | 535,540    | 160,660                   |                                | 160,875   | 53,554    | 3.079,222     | 2.604,214        | 47,5                                    |                                                   |                  |                                    |
| 3   | Trường MN Hùng Tiến   | 444         | 32                             | 37         | 28       | 1                                           | 8    | 4                                                           | 193,82                                        | 178,98   | 14,84                     | 3.200,180                 | 665,809                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 750,660    | 225,200                   |                                | 345,519   | 75,066    | 4.516,513     | 3.795,516        | 72,0                                    |                                                   |                  |                                    |
| 4   | Trường MN Hiệp Hòa    | 298         | 27                             | 33         | 26       | 1                                           | 6    | 1                                                           | 175,64                                        | 171,93   | 3,71                      | 3.074,196                 | 639,598                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 721,110    | 216,330                   |                                | 232,191   | 72,111    | 4.210,714     | 3.557,319        | 653,4                                   |                                                   |                  |                                    |
| 5   | Trường MN An Hòa      | 434         | 29                             | 32         | 25       |                                             | 7    | 4                                                           | 201,82                                        | 186,99   | 14,84                     | 3.343,310                 | 695,588                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 784,230    | 235,270                   |                                | 337,806   | 78,423    | 4.727,348     | 3.976,572        | 750,7                                   |                                                   |                  |                                    |
| 6   | Trường MN Trung Lập   | 443         | 36                             | 44         | 34       |                                             | 10   | 2                                                           | 218,71                                        | 211,30   | 7,42                      | 3.777,977                 | 786,022                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 886,190    | 265,860                   |                                | 345,321   | 88,619    | 5.176,473     | 4.362,857        | 813,6                                   |                                                   |                  |                                    |
| 7   | Trường MN Thị trấn    | 574         | 44                             | 55         | 41       | 1                                           | 13   | 3                                                           | 269,66                                        | 258,54   | 11,13                     | 5.824,707                 | 4.622,618                                                            | 198,945                   | 41,391                                             | 1.134,320  | 325,300                   | 50,000                         | 444,969   | 113,432   | 6.400,626     | 5.397,482        | 1.003,14                                |                                                   |                  |                                    |
| 8   | Trường MN Tân Hưng    | 320         | 27                             | 33         | 26       |                                             | 7    | 1                                                           | 155,93                                        | 152,22   | 3,71                      | 3.368,167                 | 566,276                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 638,440    | 191,530                   |                                | 247,194   | 63,844    | 3.695,569     | 3.115,496        | 580,07                                  |                                                   |                  |                                    |
| 9   | Trường MN Giang Biên  | 511         | 35                             | 38         | 29       |                                             | 9    | 6                                                           | 194,31                                        | 172,06   | 22,25                     | 3.076,408                 | 640,058                                                              | 397,891                   | 82,783                                             | 721,630    | 216,490                   |                                | 396,585   | 72,163    | 4.450,022     | 3.727,181        | 722,84                                  |                                                   |                  |                                    |
| 10  | Trường MN Dũng Tiến   | 443         | 30                             | 35         | 27       |                                             | 8    | 3                                                           | 183,31                                        | 172,18   | 11,13                     | 3.078,650                 | 640,524                                                              | 198,945                   | 41,391                                             | 722,160    | 216,650                   |                                | 343,431   | 72,216    | 4.266,023     | 3.584,108        | 681,91                                  |                                                   |                  |                                    |
| 11  | Trường MN Việt Tiến   | 451         | 35                             | 40         | 33       |                                             | 7    | 2                                                           | 187,27                                        | 179,85   | 7,42                      | 4.045,022                 | 669,049                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 754,310    | 226,290                   |                                | 348,291   | 75,431    | 4.375,610     | 3.678,967        | 696,64                                  |                                                   |                  |                                    |
| 12  | Trường MN Vĩnh An     | 436         | 35                             | 41         | 33       | 1                                           | 7    | 2                                                           | 199,43                                        | 192,01   | 7,42                      | 4.307,644                 | 714,278                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 805,300    | 241,590                   |                                | 338,265   | 80,530    | 4.694,149     | 3.952,277        | 741,872                                 |                                                   |                  |                                    |
| 13  | Trường MN Tân Liên    | 405         | 34                             | 40         | 31       | 1                                           | 8    | 2                                                           | 201,18                                        | 193,76   | 7,42                      | 4.345,455                 | 720,790                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 812,640    | 243,790                   |                                | 315,495   | 81,264    | 4.761,336     | 4.012,952        | 748,384                                 |                                                   |                  |                                    |
| 14  | Trường MN Nhàn Hòa    | 308         | 27                             | 32         | 26       | 1                                           | 5    | 1                                                           | 153,82                                        | 150,11   | 3,71                      | 3.322,593                 | 558,427                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 629,600    | 188,880                   |                                | 239,400   | 62,960    | 3.649,833     | 3.077,609        | 572,224                                 |                                                   |                  |                                    |
| 15  | Trường MN Tam Đa      | 262         | 24                             | 29         | 23       | 1                                           | 5    | 1                                                           | 140,82                                        | 137,11   | 3,71                      | 3.041,624                 | 510,038                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 575,040    | 172,510                   |                                | 203,580   | 57,504    | 3.355,580     | 2.831,745        | 523,835                                 |                                                   |                  |                                    |
| 16  | Trường MN Vĩnh Phong  | 145         | 15                             | 17         | 14       |                                             | 3    | 1                                                           | 92,65                                         | 88,94    | 3,71                      | 2.001,236                 | 330,860                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 373,030    | 111,910                   |                                | 112,815   | 37,303    | 2.224,148     | 1.879,491        | 344,657                                 |                                                   |                  |                                    |
| 17  | Trường MN Tiên Phong  | 294         | 27                             | 32         | 26       |                                             | 6    | 1                                                           | 168,28                                        | 164,57   | 3,71                      | 3.634,808                 | 2.942,498                                                            | 612,198                   | 13,797                                             | 690,210    | 207,060                   |                                | 229,005   | 69,021    | 4.026,992     | 3.400,997        | 625,995                                 |                                                   |                  |                                    |
| 18  | Trường MN Công Hiến   | 362         | 27                             | 31         | 25       |                                             | 6    | 2                                                           | 172,04                                        | 164,63   | 7,42                      | 2.943,516                 | 612,409                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 690,460    | 207,140                   |                                | 252,285   | 69,046    | 4.055,278     | 3.415,275        | 640,003                                 |                                                   |                  |                                    |
| 19  | Trường MN Thanh Lương | 285         | 22                             | 26         | 21       |                                             | 5    | 1                                                           | 131,20                                        | 127,49   | 3,71                      | 2.833,996                 | 474,280                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 534,730    | 160,420                   |                                | 222,120   | 53,473    | 3.093,133     | 2.605,056        | 488,077                                 |                                                   |                  |                                    |
| 20  | Trường MN Đồng Minh   | 311         | 27                             | 32         | 26       |                                             | 6    | 1                                                           | 170,06                                        | 166,35   | 3,71                      | 3.673,248                 | 618,818                                                              | 66,315                    | 13,797                                             | 697,680    | 209,300                   |                                | 242,010   | 69,768    | 4.059,150     | 3.426,535        | 632,615                                 |                                                   |                  |                                    |
| 21  | Trường MN Hưng Nhân   | 171         | 17                             | 19         | 15       |                                             | 4    | 2                                                           | 101,98                                        | 94,56    | 7,42                      | 2.202,684                 | 351,757                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 396,590    | 118,980                   |                                | 133,020   | 39,659    | 2.426,595     | 2.047,244        | 379,351                                 |                                                   |                  |                                    |
| 22  | Trường MN Vĩnh Quang  | 480         | 39                             | 45         | 37       |                                             | 8    | 2                                                           | 208,68                                        | 201,26   | 7,42                      | 4.507,440                 | 748,687                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 844,100    | 253,230                   |                                | 374,760   | 84,410    | 4.892,370     | 4.116,089        | 776,281                                 |                                                   |                  |                                    |
| 23  | Trường MN Liên Am     | 313         | 27                             | 29         | 23       |                                             | 6    | 4                                                           | 151,90                                        | 137,06   | 14,84                     | 3.280,945                 | 509,863                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 574,840    | 172,450                   |                                | 244,296   | 57,484    | 3.554,005     | 2.988,954        | 565,051                                 |                                                   |                  |                                    |
| 24  | Trường MN Lý Học      | 287         | 26                             | 29         | 23       |                                             | 6    | 3                                                           | 151,14                                        | 140,01   | 11,13                     | 3.264,560                 | 520,839                                                              | 198,945                   | 41,391                                             | 587,210    | 176,160                   |                                | 224,154   | 58,721    | 3.568,895     | 3.006,665        | 562,230                                 |                                                   |                  |                                    |
| 25  | Trường MN Cao Minh    | 410         | 35                             | 40         | 31       | 1                                           | 8    | 4                                                           | 217,74                                        | 202,90   | 14,84                     | 4.703,122                 | 754,794                                                              | 265,261                   | 55,188                                             | 850,990    | 255,300                   |                                | 318,627   | 85,099    | 5.150,386     | 4.340,404        | 809,982                                 |                                                   |                  |                                    |
| 26  | Trường MN Tam Cường   | 320         | 30                             | 36         | 28       | 1                                           | 7    | 2                                                           | 191,98                                        | 184,57   | 7,42                      | 4.146,875                 | 686,590                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 774,090    | 232,230                   |                                | 248,076   | 77,409    | 4.595,480     | 3.881,296        | 714,184                                 |                                                   |                  |                                    |
| 27  | Trường MN Cổ Am       | 245         | 22                             | 26         | 22       |                                             | 4    | 0                                                           | 153,89                                        | 153,89   | 0,00                      | 3.324,119                 | 572,487                                                              | -                         | -                                                  | 645,440    | 193,630                   |                                | 190,575   | 64,544    | 3.714,440     | 3.141,953        | 572,487                                 |                                                   |                  |                                    |
| 28  | Trường MN Hòa Bình    | 507         | 36                             | 41         | 31       | 1                                           | 9    | 5                                                           | 208,93                                        | 190,39   | 18,54                     | 4.512,986                 | 708,251                                                              | 331,576                   | 68,986                                             | 798,510    | 239,550                   |                                | 394,470   | 79,851    | 4.837,175     | 4.059,938        | 777,237                                 |                                                   |                  |                                    |
| 29  | Trường MN Vĩnh Tiến   | 225         | 21                             | 24         | 19       | 1                                           | 4    | 2                                                           | 127,86                                        | 120,44   | 7,42                      | 2.761,747                 | 448,040                                                              | 132,630                   | 27,594                                             | 505,140    | 151,540                   |                                | 176,787   | 50,514    | 3.039,586     | 2.563,952        | 475,634                                 |                                                   |                  |                                    |



Cộng Hiền, ngày 15 tháng 2 năm 2024

**BIÊN BẢN**

**Kết thúc niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024  
Trường mầm non Cộng Hiền**

Hôm nay vào hồi 8h30' ngày 15 tháng 2 năm 2024, tại văn phòng trường mầm non Cộng Hiền, nhà trường tiến hành lập biên bản kết thúc niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền.

**I. Thành phần:**

- |                          |                       |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Đ/c Nguyễn Thị Nhân - | Hiệu trưởng           |
| 2. Đ/c Trần Thị Đà       | Phó hiệu trưởng       |
| 3. Bùi Thị Kim Nhung     | CTCĐ, TPTCM           |
| 4. Phạm Thị Liễu         | TTCM MG               |
| 5. Nguyễn Thị Trang      | BTĐTN, Khối trưởng 5T |
| 6. Đ/c Đỗ Thị Quế        | TTCMNTN, TBTND        |
| 7. Đ/c Ngô Thị Lan       | KT-Tổ trưởng tổ VP    |
| 8. Đ/c Dương Thị Vân Anh | NVNA - Thủ quỹ        |

- Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024 của trường mầm non Cộng Hiền bằng hình thức niêm yết tại bảng công khai tài chính nhà trường, trong các cuộc họp.

- Thời gian kết thúc niêm yết: Ngày 15/2/2024

- Ý kiến phản hồi về nhà trường: Không có

Biên bản được thông qua trước những thành viên có tên trên, vào hồi 9h00 cùng ngày. Đại diện những người liên quan thống nhất thông qua.

**NGƯỜI LẬP**

  
Ngô Thị Lan

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

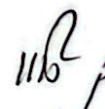


HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nhân

**CÁC THÀNH VIÊN**

 Bùi Thị Kim Nhung  
 Dương Thị Vân Anh  
 Trần Thị Đà

 Phạm Thị Liễu  
 Đỗ Thị Quế